

Số: *H3* /2014/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường;


Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 607/TTr-STNMT ngày 07 tháng 11 năm 2014,


QUYẾT ĐỊNH:

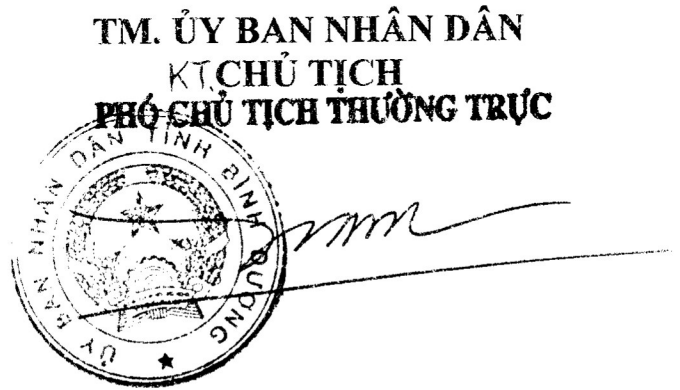
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục CNTT (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Báo Bình Dương và Đài PTTH Bình Dương;
- Website tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP, Lâm, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT. 



Trần Văn Nam

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu
về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tài liệu có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ bao gồm các bản chính, bản gốc tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định, trong trường hợp không có bản chính, bản gốc thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường được quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5, 6, 8, 9, 10, 11 Điều 3 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường và Khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 34/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường.

2. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo hình thức thể hiện được quy định tại Điều 1 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương

Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tập dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương theo phân cấp về chức năng, nhiệm vụ được quy định gồm:

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh là tập hợp toàn bộ các dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường và các dữ liệu được thu thập từ các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh và các địa bàn giáp ranh có liên quan đến công tác quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương;

c) Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường (sau đây gọi là Trung tâm Công nghệ thông tin) trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện là tập hợp toàn bộ các dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi quản lý hành chính cấp huyện, được thu thập từ các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để đưa vào cập nhật, lưu trữ và quản lý theo quy định;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã là tập hợp toàn bộ những dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi quản lý hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, lưu trữ và quản lý trên địa bàn.

Điều 5. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định. Tùy theo loại dữ liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu,

mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu.

1. Đối với kết quả của các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường: Dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ kết quả nộp lưu theo quy định về quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá: dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt (có đóng dấu xác nhận).

3. Đối với kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép và các nội dung liên quan đến cấp phép, dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với dữ liệu về kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ vụ việc và việc thực hiện quyết định giải quyết có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Quy định về cung cấp dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho các cơ sở dữ liệu thành phần quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tiếp nhận và cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý có liên quan đến lĩnh vực Bộ, ngành khác và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của các tỉnh giáp ranh với tỉnh Bình Dương như Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp nhận, xử lý, số hóa các dữ liệu thu thập được và dữ liệu do các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cung cấp để tích hợp vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh;

- Tiếp nhận, xử lý, số hóa các dữ liệu thu thập được và dữ liệu do cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã cung cấp để tích hợp vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện.

2. Hình thức cung cấp dữ liệu

- a) Gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử;
- b) Gửi dữ liệu bằng văn bản (qua đường văn bản hành chính, qua đường bưu điện).

3. Thời hạn cung cấp dữ liệu

a) Việc cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo quy định, yêu cầu;

b) Tần suất, thời gian cung cấp dữ liệu bằng hình thức gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử thực hiện theo quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường quy định;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo định kỳ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh qua Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6) vào thời gian từ 01 đến 31 tháng 7; một năm (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) vào thời gian từ 01 đến 31 tháng 01 của năm sau;

e) Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6) vào thời gian từ 01 đến 15 tháng 7; một năm (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) vào thời gian từ 01 đến 15 tháng 01 của năm sau.

Điều 7. Chính sách khuyến khích của Nhà nước

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu và hiến tặng các dữ liệu tài nguyên và môi trường để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt, làm hỏng, làm mất dữ liệu.
2. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung dữ liệu.
3. Mua bán, chuyển giao, hủy trái phép dữ liệu.
4. Sử dụng dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước.
5. Mang dữ liệu ra nước ngoài trái phép.

Chương II

THU THẬP QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Mục 1

LẬP, PHÊ DUYỆT, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THU THẬP DỮ LIỆU

Điều 9. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu

1. Nguyên tắc, căn cứ, nội dung kế hoạch

a) Việc lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải bảo đảm các nguyên tắc, căn cứ lập và nội dung kế hoạch được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm giao nộp cho các Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

c) Dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc; trong trường hợp không có bản chính, bản gốc thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.

2. Lập và phê duyệt kế hoạch

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp đề xuất của các phòng, ban và Ủy ban nhân dân cấp xã trực thuộc, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp kế hoạch thu thập dữ liệu dự kiến;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, xong trước ngày 15 tháng 10 hàng năm;

c) Sau khi phê duyệt, giao Sở Tài nguyên và Môi trường gửi kế hoạch đã được phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có phạm vi quản lý nhà nước liên quan.

3. Thực hiện kế hoạch

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm ở tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

trường hàng năm ở cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm ở cấp xã;

b) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích khác nhau;

c) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

d) Các hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường được quy định tại Khoản 5 Điều 15 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

e) Dữ liệu thu thập được quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy chế này.

f) Thời gian giao nộp dữ liệu:

- Trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày công việc kết thúc, trừ hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản giao nộp trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày công trình được quyết toán.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức cá nhân có nhu cầu giữ lại dữ liệu đã đến hạn giao nộp để phục vụ cho công việc thì phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức đồng ý và lập danh mục dữ liệu giữ lại gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian giữ lại không vượt quá 02 năm kể từ ngày đến hạn giao nộp.

Mục 2

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Nguyên tắc, nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 17, Điều 18, Điều 19 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

5. Các Sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường của mình quản lý.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã.

7. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện số hóa những dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng và lưu trữ theo quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo an toàn, dễ quản lý, truy nhập, tìm kiếm thông tin.

Điều 11. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, PHỐI HỢP VÀ CHIA SẺ** **DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 12. Công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường là danh sách những dữ liệu về tài nguyên và môi trường hiện có kèm theo chỉ dẫn về phương thức tiếp cận, cơ quan quản lý, địa chỉ truy cập, nơi lưu trữ, bảo quản dữ liệu.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá khả năng khai thác, sử dụng, mức độ phổ biến dữ liệu để xây dựng danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương.

Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang thông tin điện tử nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

3. Năm (5) năm một lần, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, biên tập, phát hành danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương.

Điều 13. Thẩm quyền cho phép cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu Tối mật theo Quyết định số 21/2013/QĐ-TTg ngày 24/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu Mật theo Thông tư số 29/2013/TT-BCA

ngày 10/5/2013 của Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

3. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu ngoài các dữ liệu Tuyệt mật và các dữ liệu đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này.

4. Bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài thì được thực hiện tại Điều 19 của Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ.

Điều 14. Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Nguyên tắc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu trên mạng Internet, trang thông tin điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể hình thức cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường từ Internet và trang thông tin điện tử phù hợp với khả năng điều kiện công nghệ thông tin trực tuyến trong từng giai đoạn, theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu bằng phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu hoặc theo hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được quy định tại bộ thủ tục hành chính.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo đúng quy định tại Điều 13 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.

Điều 15. Kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp thì không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 của Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Tài chính xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ thu, nộp, sử dụng phí khai thác dữ liệu đất đai.

Điều 16. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu tài nguyên và môi trường

Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu; các nội dung cần phối hợp giữa Bộ, ngành, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Điều 28, Điều 29, Điều 30 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương IV

LƯU TRỮ, BẢO QUẢN DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 17. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp lưu trữ, bảo quản, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn.

Điều 18. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số về tài nguyên và môi trường

1. Việc đảm bảo an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu;

b) Có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra nhằm bảo đảm cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường bao gồm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

3. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 19. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu được xác lập đối với từng loại dữ liệu theo quy định của pháp luật hiện hành về lưu trữ và Thông tư số 11/2013/TT-BTNMT ngày 28/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định thời hạn bảo quản, hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại dữ liệu hết giá trị sử dụng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết việc tiêu hủy dữ liệu. Việc tiêu hủy dữ liệu hết giá trị được quy định tại Điều 28, Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011 và các quy định chuyên ngành.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được tiến hành thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch. Trong trường hợp cần thiết có thể thanh tra, kiểm tra đột suất theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện tốt Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm

a) Tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu hủy trái phép, làm hư hại dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trái với quy định của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ; Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

b) Cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm hư hỏng, thất thoát dữ liệu về tài nguyên và môi trường, cản trở việc khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 22. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xem xét, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền.

Điều 23. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh

1. Căn cứ vào dữ liệu và hình thức thể hiện dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Điều 3 của Quy chế này, các Sở, ban, ngành, các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để xây dựng dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp danh mục các chương trình, dự án, đề án, đề tài có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường hàng năm trước ngày 15/9 cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường và giao nộp dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cùng cấp.

2. Ngoài trách nhiệm quy định tại Khoản 1 của Điều này, Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung sau:

a) Sở Thông tin và Truyền thông: Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định việc khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường trên Internet và Cổng thông tin điện tử của tỉnh;

b) Sở Tài chính: Hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác, sử dụng dữ liệu đất đai. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm theo kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 24. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu hoàn thành thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cùng cấp theo phân cấp quy định tại Điều 4 của Quy chế này. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường chậm nhất là 6 (sáu tháng) kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với các nội dung, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 162/2003/NĐ-CP ngày 19/12/2003 của Chính phủ ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng, dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định và phải giao nộp dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cùng cấp theo phân cấp quy định tại Điều 4 của Quy chế này. Thời hạn giao nộp chậm nhất là 6 (sáu tháng) kể từ ngày nghiệm thu sản phẩm.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trần Văn Nam